TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 7**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 05/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Văn Thanh.
Các Hội thẩm quân nhân:
1// Dương Ngọc Toán;
1// Đoàn Văn Duẩn.

- Thư ký phiên tòa: 1/ Trần Văn Minh, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 tham gia phiên tòa: 3// Phan Đức Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 21/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 04/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Quốc N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/02/1976 tại H; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L; trình độ văn hóa: Lớp 8; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Đỗ Hồng K và bà Lê Thị N; bị cáo có vợ là Đặng Thị T, sinh năm 1984; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị TAND huyện L, tỉnh L xử phạt 6.000.000 đồng tội đánh bạc (Điều 248 BLHS) tại Bản án số 80/2011/HSST ngày 26/12/2011; bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến nay tại Trại K35, QK7; có mặt.

2. Nguyễn Tư T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 29/8/1973 tại N; nơi cư trú: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh L; trình độ văn hóa: Lớp 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Tư H và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ là Trương Thị T, sinh năm 1978; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến ngày 21/6/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh cho đến khi kết thúc phiên tòa; có mặt.

3. Đoàn Quý M; tên gọi khác: Mạnh P; sinh ngày 20/3/1978 tại H; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh L; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đoàn Quý P và bà Hoàng Thị N (chết); bị cáo có vợ là Chu Trần Bích H, sinh năm 1985; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất

sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị TAND huyện L, tỉnh L xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng và phạt bổ sung 1.000.000 đồng tội đánh bạc (Điều 248 BLHS) tại Bản án số 42/2006/HSST ngày 21/11/2006; bị Công an huyện L, tỉnh L xử phạt hành chính 1.000.000 đồng theo Quyết định số 05/QĐ ngày 25/12/2013 về hành vi đánh bạc; bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh L xử phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc (Điều 321 BLHS) tại Bản án số 86/2024/HSST ngày 07/6/2024, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nên bản án chưa có hiệu lực pháp luật; bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến nay tại Trại K35, QK7; có mặt.

4. Nguyễn Thị An D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 24/4/1965 tại H; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L; trình độ văn hóa: Lớp 10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); bị cáo có chồng là Lê Bá L, sinh năm 1962; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa; có mặt.

5. Lê Hoàng T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/4/1983 tại H; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 2//, tmp, BCHQS huyện L, BCHQS tỉnh L, QK7; nhập ngũ: Tháng 9/2001; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng Q (chết) và bà Hoàng Thị B; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1983; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa; có mặt.

6. Bùi Hữu T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/02/1977 tại Đ; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh L; trình độ văn hoá: Lớp 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Cơ khí; con ông Bùi H và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ là Trịnh Thị Hồng X, sinh năm 1989; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa; có mặt.

7. Lê Thị O; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/6/1963 tại H; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L; trình độ văn hoá: Lớp 10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Lê Đình L (chết) và bà Đặng Thị T; bị cáo có chồng là Nguyễn Hùng M, sinh năm 1958; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Hồ Thị Anh Đ; vắng mặt.
2. Nguyễn Hùng M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/12/2023, tại nhà nghỉ S thuộc tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L do vợ chồng bà Lê Thị O và Nguyễn Hùng M quản lý có Nguyễn Thị An D, Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M tất cả cùng cư trú tại huyện L, tỉnh L đến chơi. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, N, M, T, D cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm thắng thua bằng tiền, nghe vậy Lê Thị O đi mua một bộ bài tây 52 lá và đưa một hộp nhựa để đựng tiền xâu. Tất cả cùng ngồi tại bộ bàn ghế đặt ở sảnh nhà nghỉ, quy định chơi như sau: Người về nhất thắng tiền của người về nhì, về ba, về bét theo thứ tự là 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng; thắng tiền người không có phỏm (bị cháy) là 200.000 đồng; người nào ù (được 3 phỏm) sẽ thắng tiền của ba người còn lại, mỗi người là 250.000 đồng; bị ăn cây chốt mất 200.000 đồng; bị ăn cây thường 50.000 đồng; người nào ù sẽ đặt vào hộp nhựa 50.000 đồng tiền xâu để Lê Thị O mua cơm, bài, nước uống, còn thừa thì O được lấy. Trước khi chơi, N đem theo 5.000.000 đồng, dùng hết 5.000.000 đồng để đánh bạc; T đem theo 9.480.000 đồng, dùng 3.480.000 đồng để đánh bạc, còn 6.000.000 đồng không dùng đánh bạc; M đem theo 4.990.000 đồng, dùng 1.990.000 đồng để đánh bạc, còn 3.000.000 đồng đóng tiền học cho con.

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 18/12/2023 Lê Thị O lấy 200.000 đồng trong hộp để tiền xâu mua cơm, nước cho bốn người đánh bạc. Lúc này có Bùi Hữu T cư trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh L đến và ngồi xem N, T, M, D đánh bạc, đến khoảng 12 giờ cùng ngày D không chơi tiếp nên T vào thay vị trí của D tiếp tục đánh phỏm thắng thua bằng tiền với N, T, M. Trước khi chơi, T đem theo 500.000 đồng, dùng hết 500.000 đồng để đánh bạc.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Hoàng T là 2//, tmp, BCHQS huyện L, BCHQS tỉnh L đang trong thời gian nghỉ phép cũng đến nhà nghỉ S chơi và xem N, T, M, T đánh bạc, khoảng 15 phút sau do có việc nên T về và T vào thay vị trí của T tiếp tục đánh phỏm thắng thua bằng tiền với N, T, M. Trước khi chơi, T đem theo 3.590.000 đồng, dùng 550.000 đồng để đánh bạc, còn 3.040.000 đồng dùng trả tiền công hái cà phê.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện L bắt quả tang N, T, M, T đang đánh bạc. Thu giữ trên bàn đánh bạc 5.100.000 đồng và một bộ bài tây 52 lá.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O đều thừa nhận như nội dung cáo trạng truy tố. Tất cả các bị cáo đều tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm thắng thua bằng tiền tại nhà nghỉ S do Lê Thị O quản lý, có thu tiền xâu, mua nước, cơm phục vụ cho các bị cáo đánh bạc.

Người làm chứng Hồ Thị Anh Đ có lời khai tại cơ quan điều tra: Khoảng 11 giờ ngày 18/12/2023 tôi điều khiển mô tô biển số 49D1-556.87 từ nhà tôi ở Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L đến nhà nghỉ S để thăm bà Lê Thị O. Khi mới bước vào tôi thấy 4 người đánh bạc là D, M, T, N sau đó T thay D, T thay T. Không biết ai chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, bà O là người thu tiền xâu. Cách thức

chơi: Người về nhất thắng tiền của người về nhì, về ba, về bét theo thứ tự là 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng; thắng tiền người không có phỏm (bị cháy) là 200.000 đồng; người nào ù (được 3 phỏm) sẽ thắng tiền của ba người còn lại, mỗi người là 250.000 đồng; bị ăn cây chốt mất 200.000 đồng; bị ăn cây thường 50.000 đồng. Người nào ù để lại 50.000 đồng tiền xâu để bà O mua nước, cơm, bài; khi tôi vào thì những người kia đang chơi bài, thấy có người để tiền trước mặt, người để trong túi, thua thì lấy tiền trong túi ra chung, khi thắng thì cất tiền vào trong túi, có khi để tiền thắng trước mặt dưới chiếu bạc. Ai ù thì bỏ 50.000 đồng vào hộp màu vàng, tiền xâu thì xâu cho bà O, trong quá trình đánh bạc bà O có mua cơm, bò húc, mấy người chơi vừa ăn vừa chơi bài. Khi T về tôi nhớ ù được 4 ván, vì trong hộp màu vàng có 200.000 đồng.

Người làm chứng Nguyễn Hùng M có lời khai tại cơ quan điều tra: Ngày 18/12/2023 có M, T đến uống trà, sau đó tôi đi công việc, khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày tôi về thấy có mấy người đánh bài nhưng tôi không để ý, do có uống rượu nên tôi đi ngủ. Nhóm người này có đến chơi, uống nước việc đánh bài chỉ diễn ra một vài lần.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 14 giờ 30 phút ngày 18/12/2023 tại Nhà nghỉ S thuộc tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L: Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 18/12/2023 Đội CSĐTTP về TTXH, Công an huyện L bắt quả tang tại khu vực sảnh gần quầy lễ tân của nhà nghỉ S thuộc tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L các đối tượng trên (Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Lê Hoàng T) đang tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm thắng thua bằng tiền. Tài liệu, đồ vật thu giữ, tạm giữ: Thu giữ giữa chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng; Thu giữ trên mặt bàn tổng số tiền 5.100.000 đồng gồm: Trước mặt N: 3.000.000 đồng; M: 1.400.000 đồng; T: 700.000 đồng; Thu giữ trên người các đối tượng: 19.360.000 đồng, 06 ĐTDĐ gồm: N: 4.200.000 đồng, 01 ĐTDĐ Oppo màu tím; M: 3.590.000 đồng, 01 ĐTDĐ Iphone 14 Pro màu tím, 01 ĐTDĐ Iphone 12 Pro màu xanh; T: 8.530.000 đồng, 01 ĐTDĐ Iphone 11 Pro max màu vàng, 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy A50 màu xanh; T: 3.040.000 đồng, 01 ĐTDĐ Iphone 11 Pro màu xanh. Tạm giữ tại khu vực sân nhà nghỉ S: 01 xe ô tô hiệu Ford màu đỏ, biển số 49A-522.50, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 xe ô tô hiệu Suzuki biển số 49A-330.99, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 xe mô tô Yamaha Jupiter biển số 49D1-013.23 xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Biên bản khám nghiệm hiện trường: Còn nguyên vẹn; hiện trường xảy ra vụ đánh bạc tại S thuộc tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L; tại vị trí phía trước quầy lễ tân phát hiện 01 bộ ghế sô pha được xếp hình chữ U, 01 bàn sắt gỗ được đặt sát tường hành lang của tầng trệt, trên bàn phát hiện có 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS72 ngày 08/5/2024 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 truy tố các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị

An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xem xét nhân thân và vai trò của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Quốc N từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Đoàn Quý M từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Tư T từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị An D từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lê Hoàng T từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Hữu T từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lê Thị O từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do có hoàn cảnh, điều kiện gia đình khó khăn.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Bùi Hữu T phải nộp số tiền 500.000 đồng đã sử dụng đánh bạc. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 04/QĐ-XLTS ngày 24/01/2024 và Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 41/QĐ-XLTS ngày 14/3/2024 của Cơ quan ĐTHS khu vực 5/QK7 trả lại cho: Đỗ Quốc N: 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Ertiga, màu trắng, biển số 49A-330.99; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu tím cho Đỗ Quốc N; Chu Trần Bích H: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Explorer, màu đỏ, biển số 49A-522.50; Lê Hoàng T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 49D1-103.23; 01 điện thoại di dộng Iphone 11 Pro màu xanh; Đoàn Quý M: 01 ĐTDĐ Iphone 14

Pro màu tím; 01 ĐTDĐ Iphone 12 Pro màu xanh; Nguyễn Tư T: 01 ĐTDĐ Iphone 11 Pro max màu vàng; 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy A50 màu xanh là có cơ sở, phù hợp.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền thu tại chiếu bạc 5.100.000 đồng, tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M sử dụng đánh bạc như sau: Đỗ Quốc N nộp lại 4.200.000 đồng, Nguyễn Tư T nộp lại 2.530.000 đồng, Đoàn Quý M nộp lại 590.000 đồng.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Nguyễn Tư T: 6.000.000 đồng, bị cáo Đoàn Quý M: 3.000.000 đồng, bị cáo Lê Hoàng T: 3.040.000 đồng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng. Trong lời tự bào chữa, các bị cáo không có bào chữa gì cho hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 5, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 72, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, lời khai các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Việc các bị cáo cùng rủ nhau tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, với hình thức đánh phỏm, có tiền xâu để mua cơm, bài, nước uống; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám nghiệm hiện trường…

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 18/12/2023, tại nhà nghỉ S thuộc tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L do Lê Thị O và Nguyễn Hùng M quản lý có Nguyễn Thị An D, Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M đến chơi, cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm thắng thua bằng tiền, Lê Thị O đi mua một bộ bài tây 52 lá, đưa một hộp nhựa để đựng tiền xâu, tỷ lệ thắng, thua như Cáo trạng và diễn biến nội dung vụ án tại phiên tòa đã xác định. Các bị cáo đều khai có đánh bạc với nhau nhưng không nhớ rõ ai thắng, thua như thế nào, chỉ chơi khi nào đủ tiền rồi đi ăn thịt dê, đối với bị cáo Nguyễn Thị An D khi nào nghỉ nếu thua thì gọi người quen đến đưa tiền, không xác định số tiền dùng đánh bạc là bao nhiêu. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị An D phải chịu trách nhiệm hình sự chung với số tiền của các bị cáo N, T, M sử dụng tham gia đánh bạc là 10.470.000 đồng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Thị O lấy 200.000 đồng trong hộp để tiền xâu mua cơm, nước cho các bị cáo đang đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, D không chơi tiếp nên Bùi Hữu T vào thay vị trí của D tiếp tục đánh phỏm thắng thua bằng tiền với N, T, M với số tiền sử dụng tham gia đánh bạc là 10.970.000 đồng. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Hoàng T vào thay vị trí của T tiếp tục đánh phỏm thắng thua bằng tiền với N, T, M với số tiền sử dụng tham gia đánh bạc là 11.020.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện L bắt quả tang N, T, M, T đang đánh bạc.

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh của các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra. Do đó, xét cần thiết phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo đã gây ra để có điều kiện giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh, điều kiện gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo Nguyễn Tư T, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Lê Hoàng T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người có thành tích xuất sắc trong công tác" (được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Bằng khen của Bộ Tư

lệnh QK7) quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đỗ Quốc N có cha, ông nội, chú ruột là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Tư T có cha, mẹ, ông nội là người có công với cách mạng; bị cáo Đoàn Quý M có cha tham gia bộ đội, có công với cách mạng, vợ đang mang thai; bị cáo Lê Thị O có ông ngoại là người có công với cách mạng, thì trường hợp này thuộc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình và các đóng góp xây dựng công ích cho địa phương của từng bị cáo để lượng hình.

Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo phạm tội không có bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau. Tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo là khác nhau trong việc trực tiếp tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm thắng thua bằng tiền, việc sử dụng số tiền để đánh bạc, thời gian tham gia đánh bạc xuyên suốt từ đầu cho đến khi bị Công an bắt quả tang. Vì vậy, các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M phải chịu trách nhiệm hình sự chính, sau đó là các bị cáo Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T. Đối với bị cáo Lê Thị O mặc dù không tham gia đánh bạc nhưng có vai trò giúp sức cho các bị cáo khác trong việc cho mượn địa điểm, mua bài, mua cơm, nước cho các bị cáo để đánh bạc, thu tiền xâu nên có vai trò đồng phạm với các bị cáo. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình gây ra và áp dụng Điều 17, 58 BLHS để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích nhận định như trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với các bị cáo Đỗ Quốc N, Đoàn Quý M là những người có nhân thân xấu đã từng bị kết án và bị xử lý hành chính về tội đánh bạc. Riêng bị cáo Đoàn Quý M vào ngày 18/12/2023, bị cáo Mạnh cùng các đối tượng khác tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức ghi số lô, đề ở một vụ án khác đã bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh L xử phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc (Điều 321 BLHS) tại Bản án số 86/2024/HSST ngày 07/6/2024, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nên bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó, xét cần thiết phải áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo Đỗ Quốc N, Đoàn Quý M với xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Tư T, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và xem xét đến hoàn cảnh gia đình của các bị cáo. Do đó, căn cứ quy định Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt tù và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử

thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, đơn vị nơi công tác để giám sát và giáo dục cũng có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp: Trong vụ án này, bị cáo Bùi Hữu T sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, nhưng khi nghỉ bị cáo không thắng, không thua và mang tiền đánh bạc về nhà. Do đó, buộc bị cáo Bùi Hữu T phải nộp số tiền 500.000 đồng đã sử dụng đánh bạc. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 04/QĐ-XLTS ngày 24/01/2024 và Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 41/QĐ-XLTS ngày 14/3/2024 của Cơ quan Điều tra Hình sự khu vực 5, Quân khu 7 trả lại cho: Đỗ Quốc N: 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Ertiga, màu trắng, biển số 49A-330.99; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu tím cho Đỗ Quốc N; Chu Trần Bích H: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Explorer, màu đỏ, biển số 49A-522.50; Lê Hoàng T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 49D1-103.23; 01 điện thoại di dộng Iphone 11 Pro màu xanh; Đoàn Quý M: 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro màu tím; 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro màu xanh; Nguyễn Tư T: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu vàng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50 màu xanh. Hội đồng xét xử thấy có cơ sở, phù hợp.

- Số tiền thu tại chiếu bạc 5.100.000 đồng, tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Do đó, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

- Căn cứ vào số tiền các bị cáo mang theo với số tiền sử dụng đánh bạc, số tiền thu giữ trên bàn đánh bạc và số tiền thu giữ trên người các bị cáo khi bị bắt. Do đó, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền sử dụng đánh bạc mà các bị cáo phải nộp như sau: Bị cáo Đỗ Quốc N: 4.200.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tư T: 2.530.000 đồng, bị cáo Đoàn Quý M: 590.000 đồng.

- Đối với số tiền các bị cáo không sử dụng đánh bạc, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Nguyễn Tư T số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo Đoàn Quý M số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Lê Hoàng T số tiền 3.040.000 đồng.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M (Mạnh P), Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt:

- Đỗ Quốc N 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21/02/2024.

- Đoàn Quý M 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21/02/2024.

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Tư T 09 (Chín) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 05/9/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Tư T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị An D 06 (Sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 05/9/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị An D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 06 (Sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 05/9/2024. Giao bị cáo cho BCHQS huyện L, BCHQS tỉnh L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Hoàng T thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Hữu T 06 (Sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 05/9/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Bùi Hữu T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lê Thị O 06 (Sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 05/9/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Thị O thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS buộc bị cáo Bùi Hữu T nộp số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.100.000 (Năm triệu một trăm nghìn) đồng thu tại chiếu bạc là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tây 52 (Năm mươi hai) lá đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M sử dụng đánh bạc như sau:

- Đỗ Quốc N nộp 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm nghìn) đồng;
- Nguyễn Tư T nộp 2.530.000 (Hai triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng.
- Đoàn Quý M nộp 590.000 (Năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Nguyễn Tư T số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng, bị cáo Đoàn Quý M số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bị cáo Lê Hoàng T số tiền 3.040.000 (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

(Theo biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18/12/2023).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo Đỗ Quốc N, Nguyễn Tư T, Đoàn Quý M, Nguyễn Thị An D, Lê Hoàng T, Bùi Hữu T, Lê Thị O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/9/2024), các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu 7.

Nơi nhận:
- TAQSTW;
- TAQSQK7;
- THAQK7;
- PTHAQK7;
- VKSQSQK7;
- VKSQS.KV72;
- ĐTHSKV5;
- Bị cáo;
- Lưu HS; THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA